

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12/05/2022

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Hoàng Thanh Tâm**

2/ Bà **Trần Thị Tố Loan**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thành** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 375/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2022; Thông báo dời lịch xét xử số 94/TB-TA ngày 26/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Huỳnh Tuấn N**, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Tổ 14, ấp C, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị **Vũ Thị Thanh T**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Khu phố N, phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2021 nguyên đơn anh Huỳnh Tuấn N trình bày:

Anh N, chị T tự nguyện xây dựng gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai vào ngày 14/3/2016. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, lối sống. Nguyên nhân do hai bên tính tính không hợp dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, không dung hòa

được cuộc sống. Mâu thuẫn gia đình hai bên gia đình đều biết và có khuyên nhủ nhưng vợ chồng không thể hàn gắn. Anh chị đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Chị T hiện đã về sống tại khu phố N, phường S. Từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Nay anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn chị Vũ Thị Thanh T được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc cũng như không có ý kiến nộp cho Tòa án.

- Ý kiến của kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và đương sự trong việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS. Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

+ Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Huỳnh Tuấn N được ly hôn với chị Vũ Thị Thanh T. Về con chung: không có; về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét; nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Huỳnh Tuấn N khởi kiện ly hôn với chị Vũ Thị Thanh T, chị T có địa chỉ cư trú tại khu phố N, phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Anh Huỳnh Tuấn N có đơn khởi kiện đối với chị Vũ Thị Thanh T nên anh N được xác định là nguyên đơn, còn chị T là bị đơn.

Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt đến lần thứ hai nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh N, chị T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/3/2016 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Huỳnh Tuấn N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống anh N, chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm. Tuy nhiên, do các bên không khéo dàn xếp dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh chị hiện sống ly thân, không còn liên lạc, quan tâm thăm hỏi nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Không có nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Do trong quá trình giải quyết, anh N không có yêu cầu giải quyết về tài sản. Chị T vắng mặt tại các buổi làm việc; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không có yêu cầu giải quyết về tài sản nộp cho Tòa án nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Huỳnh Tuấn N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát thành phố Long Khánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Tuấn N. Cho anh Huỳnh Tuấn N được ly hôn với chị Vũ Thị Thanh T.

2. *Về con chung:* Không có nên không xem xét.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét.

4. *Về án phí:* Anh N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh N đã nộp tại biên lai thu

tiền số 0005063 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Anh N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐN;
- VKS cùng cấp;
- THADS TP.LK;
- UBND P.S
- (Số 21_14/3/2016);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Hải